

Bản tin Phân tích kỹ thuật

18/09/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HĐTL chỉ số VN30



Nhận định:

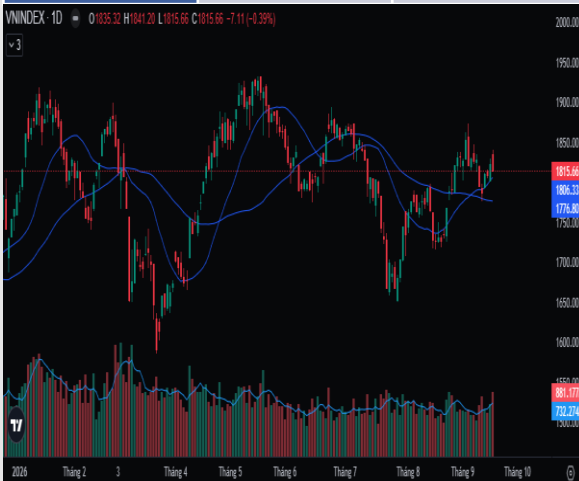
- 4111GA000 giảm mạnh từ khu vực 2.000 điểm và đóng cửa với tín hiệu giảm, mục tiêu kế tiếp tại vùng giá thấp 1.962 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế bán quanh 1.973 điểm và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.978 điểm.

Chiến lược:

- Bán (S): 1.973 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.962 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.978 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Trung tính	Tích cực
VN30	Trung tính	Tích cực
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Trung tính



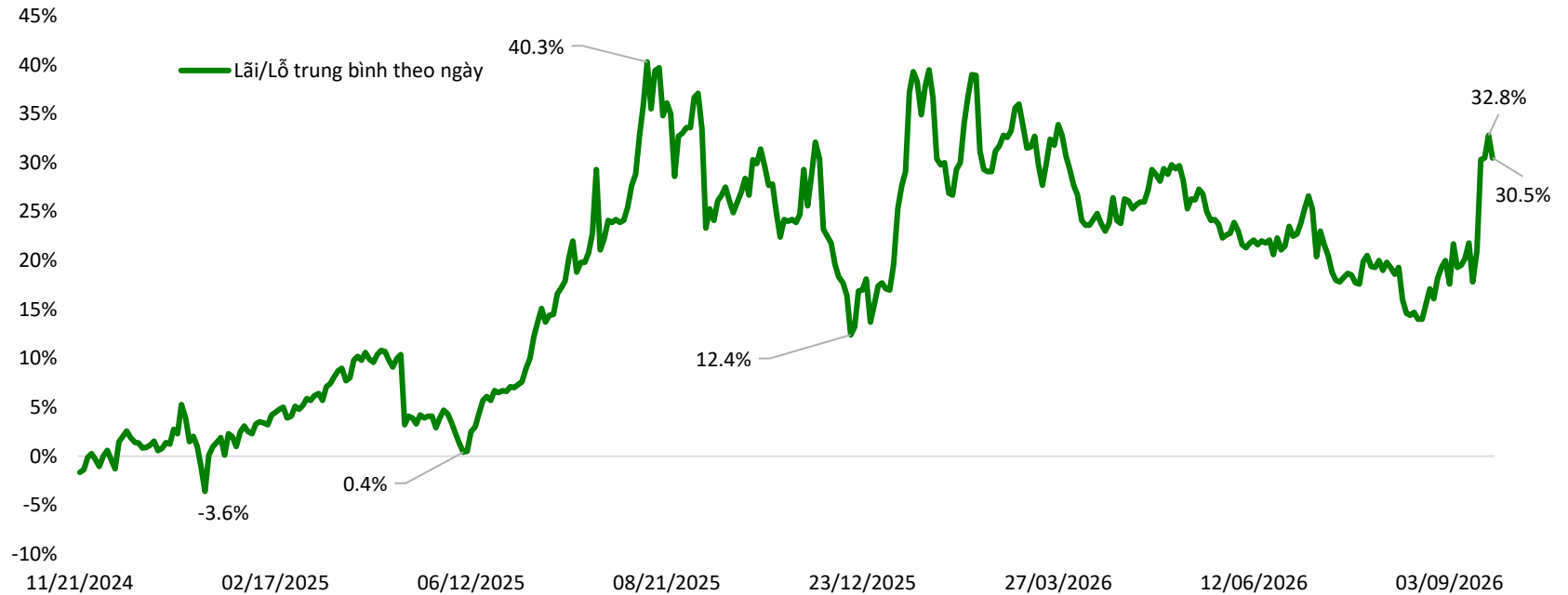
Nguồn: Vietcap

- VN-Index đảo chiều giảm về cuối phiên nhưng độ rộng thị trường vẫn duy trì tích cực với 185 mã tăng so với 130 mã giảm. Điều này cho thấy áp lực bán chủ yếu tập trung cục bộ, nổi bật tại nhóm Ngân hàng và Công nghệ. Ở các nhóm ngành còn lại, lực bán chưa ghi nhận trạng thái bất thường và mức độ ảnh hưởng thấp hơn đáng kể.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index điều chỉnh từ vùng 1.840 điểm và khu vực này sẽ đóng vai trò kháng cự trong phiên 21/09. Hỗ trợ gần nằm tại vùng 1.805–1.810 điểm. Với độ rộng thị trường vẫn tích cực trong phiên 18/09, chỉ số có khả năng xuất hiện nhịp hồi phục trong phiên 21/09.
- Đánh giá phiên 18/09, áp lực bán tại nhóm Ngân hàng khiến VN-Index mất đi động lực dẫn dắt quan trọng dù phần lớn các nhóm ngành khác chưa chịu tác động đáng kể. Trong vùng 1.805–1.840 điểm, nếu lực bán lan rộng sang nhiều nhóm ngành khác trong thời gian tới, tín hiệu tăng của VN-Index sẽ suy yếu đáng kể và làm gia tăng rủi ro xuất hiện một nhịp điều chỉnh mạnh hơn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GAS	24/08/2026		Đang mở	88,000	82,000	7.3%	78,500	98,000	85,000	
SSI	24/08/2026		Đang mở	21,400	21,100	1.4%	19,300	23,000		
FPT	24/08/2026		Chốt lãi	72,000	71,400	0.8%	69,000	78,000	72,000	
STB	27/08/2026		Đang mở	78,200	74,000	5.7%	73,000	82,000	74,000	
VPB	27/08/2026		Đang mở	27,450	26,700	2.8%	25,900	28,500	26,700	
VCB	08/09/2026		Đang mở	59,900	57,900	3.5%	57,000	60,900	58,800	
ACB	08/09/2026		Đang mở	21,900	22,200	-1.4%	21,800	23,750		
VIC	15/09/2026		Đang mở	241,200	241,000	0.1%	227,000	269,000		
DGW	15/09/2026		Đang mở	45,500	45,400	0.2%	42,800	56,000		
PVS	18/09/2026		Đang mở	33,300	33,000	0.9%	30,800	39,500		
MBB	18/09/2026		Đang mở	19,900	20,400	-2.5%	20,100	21,800	19,600	
MCH	18/09/2026		Đang mở	143,000	144,000	-0.7%	140,000	156,000		
MSN	18/09/2026		Đang mở	68,400	68,200	0.3%	65,800	73,000		

Bảng theo dõi những vị thế đang mở



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
CTG	30,250	-3.66%	1.00%	234,950	-2.655	5,172	1.2	5.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	31,600	-3.22%	0.00%	223,925	-2.222	3,829	1.3	8.3	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BID	35,750	-2.59%	0.42%	278,072	-2.221	4,250	1.4	8.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	19,900	-3.16%	0.76%	200,368	-1.956	3,217	1.3	6.2	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
VPB	27,450	-2.66%	1.86%	217,786	-1.787	3,758	1.2	7.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACB	21,900	-3.95%	-0.68%	127,117	-1.548	2,701	1.3	8.1	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
FPT	71,700	-3.50%	-1.38%	122,917	-1.327	5,862	3.1	12.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Trung tính
STB	78,200	2.62%	1.16%	147,424	1.194	1,634	2.4	47.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MCH	143,000	-1.79%	0.85%	186,959	-1.030	5,425	10.0	26.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HPG	21,550	1.65%	1.17%	181,946	0.927	2,750	1.3	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,900	0.50%	2.92%	500,505	0.777	4,984	2.0	12.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BSR	30,200	-1.63%	9.62%	151,220	-0.760	3,974	2.0	7.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	71,000	-0.42%	-1.39%	583,253	-0.757	9,730	2.2	7.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	29,700	3.30%	2.41%	72,317	0.737	1,916	2.3	15.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	24,100	2.77%	31.69%	83,598	0.715	870	2.0	27.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	12,800	9.40%	9.40%	37,435	1.467	138	2.6	92.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	125,200	-1.80%	-2.19%	48,202	-0.362	395	9.5	316.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSF	78,900	-0.75%	-1.38%	70,993	-0.223	16,970	3.3	4.7	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BAB	11,000	3.77%	4.76%	12,678	0.199	1,044	0.9	10.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KSV	100,200	-0.79%	-4.75%	30,060	-0.099	11,734	4.6	8.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	13,000	1.56%	1.56%	13,888	0.090	525	1.3	24.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	17,000	1.19%	3.03%	17,016	0.084	1,828	1.4	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	11,500	-2.54%	-3.36%	6,851	-0.073	321	1.1	35.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVI	65,400	0.93%	0.93%	16,851	0.065	5,142	1.9	12.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	10,700	1.90%	0.00%	7,306	0.058	1,245	0.8	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	80,400	-1.71%	-0.41%	244,911	-0.683	4,047	6.5	19.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ABB	17,900	2.87%	4.07%	28,536	0.134	2,911	1.3	6.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	39,800	0.51%	1.79%	142,362	0.117	3,104	1.9	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VEF	81,000	3.85%	3.71%	13,041	0.082	4,159	1.8	18.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
MVN	59,700	-0.67%	-5.24%	72,183	-0.078	2,341	4.7	25.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PCB	9,000	5.88%	7.14%	7,913	0.076	1,710	0.6	5.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SLD	14,200	39.22%	39.22%	1,116	0.071	12	1.5	1,156.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CMF	394,000	13.71%	13.71%	3,191	0.071	38,143	2.2	10.3	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SNZ	24,900	4.18%	5.06%	9,621	0.066	2,458	1.3	10.4	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
PAP	28,000	-3.45%	-3.45%	9,996	-0.056	-1,817	2.9	-15.4	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực

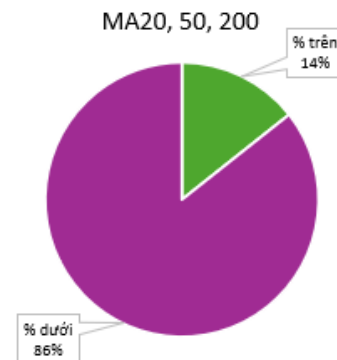
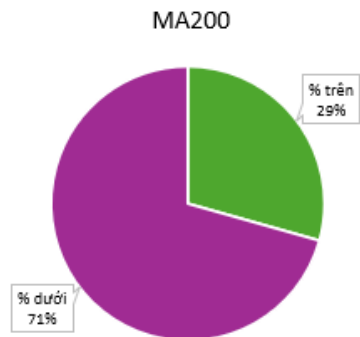
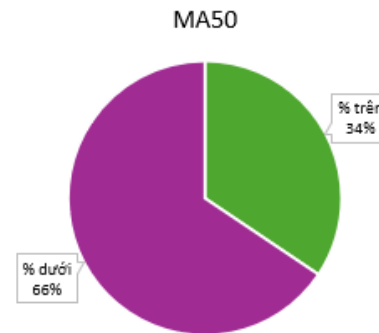
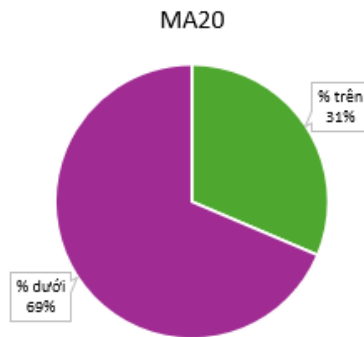
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STB	78,200	2.6%	395.5	253.7	46,000	78,000	2.4	47.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SSB	24,100	2.8%	281.6	56.9	13,524	23,450	2.0	27.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ABB	17,900	2.9%	39.8	16.6	9,537	17,700	1.3	6.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PIT	11,800	6.3%	38.2	1.4	6,000	11,100	1.7	-11.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHC	50,100	-1.2%	22.0	19.7	50,200	69,200	1.1	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	30,050	-4.1%	22.1	8.6	31,350	42,150	2.8	237.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	9,890	-1.1%	21.9	17.0	9,980	18,091	0.6	29.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
PIT	11,800	6.3%	38.2	1.4	6,000	11,100	1.7	-11.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLB	12,800	5.8%	18.0	4.9	9,653	14,015	1.0	4.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVB	12,800	9.4%	27.5	6.4	10,200	15,500	2.6	92.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VAB	9,250	2.4%	15.8	4.7	8,598	11,267	0.8	5.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSB	12,900	0.0%	125.5	73.8	9,000	13,624	1.1	8.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			18/09/2026	17/09/2026	16/09/2026	15/09/2026	14/09/2026	11/09/2026	10/09/2026	09/09/2026
VNINDEX	MA200	Trên	25%	25%	25%	26%	25%	23%	26%	27%
		Dưới	75%	75%	75%	74%	75%	77%	74%	73%
	MA50	Trên	38%	34%	33%	32%	29%	31%	35%	35%
		Dưới	62%	66%	67%	68%	71%	69%	65%	65%
	MA20	Trên	34%	30%	28%	28%	24%	25%	32%	32%
		Dưới	66%	70%	72%	72%	76%	75%	68%	68%
VN30	MA200	Trên	37%	43%	37%	37%	37%	30%	43%	47%
		Dưới	63%	57%	63%	63%	63%	70%	57%	53%
	MA50	Trên	63%	77%	60%	57%	47%	50%	70%	67%
		Dưới	37%	23%	40%	43%	53%	50%	30%	33%
	MA20	Trên	50%	73%	47%	50%	33%	33%	67%	60%
		Dưới	50%	27%	53%	50%	67%	67%	33%	40%
HNX	MA200	Trên	29%	26%	27%	27%	28%	26%	28%	28%
		Dưới	71%	74%	73%	73%	72%	74%	72%	72%
	MA50	Trên	37%	35%	33%	31%	28%	29%	33%	31%
		Dưới	63%	65%	67%	69%	72%	71%	67%	69%
	MA20	Trên	29%	26%	27%	27%	28%	26%	28%	28%
		Dưới	71%	74%	73%	73%	72%	74%	72%	72%
UPCOM	MA200	Trên	28%	27%	26%	26%	25%	27%	27%	27%
		Dưới	72%	73%	74%	74%	75%	73%	73%	73%
	MA50	Trên	33%	31%	31%	32%	31%	32%	33%	31%
		Dưới	67%	69%	69%	68%	69%	68%	67%	69%
	MA20	Trên	31%	31%	30%	30%	30%	31%	31%	31%
		Dưới	69%	69%	70%	70%	70%	69%	69%	69%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 14		Tháng 9											Tháng 8								
		18 ↓	17	16	15	14	11	10	09	08	07	04	03	28	27	26	25	24	21	20	19
1	Dầu khí	76	79	82	80	68	57	58	58	56	52	63	61	57	58	59	58	59	49	41	39
2	Bán lẻ	61	57	55	55	55	60	66	61	61	61	63	68	81	82	81	80	81	78	74	72
3	Hóa chất	57	59	59	57	52	55	60	62	60	59	59	60	57	58	59	56	56	52	44	43
4	Hàng & Dịch vụ Côn...	54	53	52	50	48	50	52	51	52	55	61	61	66	66	65	65	65	62	56	57
5	Ngân hàng	50	54	52	49	44	44	50	49	50	51	54	52	60	56	54	54	56	52	43	42
6	Tài nguyên Cơ bản	49	49	47	49	48	50	51	54	54	53	56	59	66	67	68	68	68	67	64	66
7	Điện, nước & xăng d...	46	40	36	35	34	33	34	38	34	38	39	47	52	52	55	56	58	57	55	56
8	Thực phẩm và đồ uống...	45	44	44	44	44	45	48	49	50	53	53	53	57	58	58	58	57	54	50	49
9	Du lịch và Giải trí	45	44	38	35	33	35	35	36	39	35	30	31	44	45	44	40	43	37	36	35
10	Ô tô và phụ tùng	44	42	42	46	45	47	53	54	54	53	54	52	55	54	55	57	55	53	49	52
11	Hàng cá nhân & Gia ...	38	35	33	36	34	37	40	46	49	51	54	48	53	53	54	53	49	49	42	42
12	Bất động sản	37	36	34	35	36	37	44	45	47	52	52	53	56	57	55	52	50	42	28	30
13	Dịch vụ tài chính	36	32	27	30	28	30	41	41	44	46	50	51	60	58	57	56	53	51	30	30
14	Xây dựng và Vật liệu	31	30	30	30	27	32	36	37	37	40	40	43	50	51	51	50	51	49	42	45

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BSR	30,200	-1.6%	9.6%	151,220	2.0	7.6	3,974	509.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	78,200	2.6%	1.2%	147,424	2.4	47.9	1,634	395.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SSB	24,100	2.8%	31.7%	83,598	2.0	27.7	870	281.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VEA	37,000	0.0%	3.1%	49,240	2.1	6.4	5,818	12.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NVB	12,800	9.4%	9.4%	37,435	2.6	92.7	138	27.5	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ABB	17,900	2.9%	4.1%	28,536	1.3	6.1	2,911	39.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	62,900	-0.3%	5.5%	22,144	4.1	55.0	1,144	79.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KLB	12,800	5.8%	6.2%	9,587	1.0	4.7	2,750	18.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PCB	9,000	5.9%	7.1%	7,913	0.6	5.2	1,710	6.2	Tích cực	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PET	38,900	0.6%	1.6%	6,020	2.4	19.0	2,047	9.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TLG	54,300	3.2%	9.0%	5,241	2.1	11.4	4,776	23.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
AAS	9,200	-1.1%	5.7%	2,143	0.8	17.0	548	20.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVS	28,700	-0.7%	4.4%	2,072	0.8	11.8	2,432	20.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HHP	17,200	1.2%	0.6%	1,585	1.6	31.8	541	37.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DRI	14,800	0.0%	2.1%	1,084	1.4	4.9	3,030	11.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HID	5,650	-0.2%	30.5%	434	0.6	-23.4	-241	9.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PIT	11,800	6.3%	34.9%	168	1.7	-11.4	-1,035	38.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	88,000	-0.7%	6.2%	212,340	3.1	16.7	5,269	124.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	27,500	-0.4%	2.6%	137,645	1.6	7.1	3,897	714.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSR	47,300	0.2%	0.6%	52,076	3.6	21.3	2,208	39.8	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KBC	26,000	0.0%	-1.9%	24,486	1.0	21.4	1,218	44.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCG	14,400	0.0%	-4.3%	10,054	0.9	2.5	5,869	29.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KOS	30,050	-4.1%	-9.6%	6,505	2.8	237.1	127	22.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	9,890	-1.1%	-3.0%	4,869	0.6	29.2	338	21.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	35,750	-2.6%	0.4%	278,072	1.4	8.4	4,250	460.0	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGI	80,400	-1.7%	-0.4%	244,911	6.5	19.9	4,047	24.2	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	30,250	-3.7%	1.0%	234,950	1.2	5.9	5,172	436.7	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,900	-3.2%	0.8%	200,368	1.3	6.2	3,217	340.5	Tiêu cực	-7.5	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
TCX	31,500	-0.9%	-0.8%	104,874	2.3	17.0	1,858	114.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SAB	44,300	0.0%	1.0%	56,818	2.9	11.9	3,723	13.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	10,600	-1.9%	-1.4%	13,442	0.9	67.7	157	112.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	11,500	-0.4%	-2.1%	11,475	0.9	18.6	619	34.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VHC	50,100	-1.2%	-0.2%	10,494	1.1	7.7	6,485	22.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	49,100	-0.9%	-0.8%	9,913	4.3	22.3	2,199	25.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	20,050	0.0%	-1.7%	8,246	1.2	7.1	2,809	21.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	11,500	-2.5%	-3.4%	6,851	1.1	35.8	321	88.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	27,100	-1.3%	0.2%	3,214	1.1	7.7	3,530	9.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DDV	16,900	-1.2%	-1.7%	2,473	1.1	4.1	4,141	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	16,200	-0.3%	-2.4%	1,906	0.8	8.7	1,872	17.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTI	15,650	-1.3%	-2.8%	1,085	0.6	6.9	2,270	5.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	7,680	1.99%	-3.27%	16,000	108.3%	(354)	0.7	-21.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	15,800	1.28%	-3.07%	31,700	100.6%	1,567	1.0	10.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	72,500	-0.82%	1.68%	140,000	93.1%	6,663	3.0	10.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	11,450	0.00%	0.88%	21,400	86.9%	2,909	0.9	3.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	16,100	0.31%	0.94%	28,700	78.3%	2,298	0.9	7.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	29,800	1.19%	-0.67%	52,000	74.5%	5,852	0.8	5.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	19,200	-2.04%	3.78%	31,900	66.1%	1,850	1.1	10.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
GEX	24,400	3.83%	1.88%	40,500	66.0%	1,049	1.6	23.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,950	-1.41%	3.33%	23,100	65.6%	1,976	0.7	7.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VGC	40,500	1.63%	-1.22%	66,800	64.9%	3,174	2.2	12.8	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	60,300	-0.99%	-1.15%	98,000	62.5%	4,365	4.7	13.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	30,250	-3.66%	1.00%	48,800	61.3%	5,172	1.2	5.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	32,200	0.63%	7.33%	51,200	59.0%	5,201	2.0	6.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	24,100	1.47%	-2.43%	36,800	52.7%	1,407	0.9	17.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,550	1.65%	1.17%	32,700	51.7%	2,750	1.3	7.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	19,900	-3.16%	0.76%	29,600	48.7%	3,217	1.3	6.2	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
MSN	68,400	1.03%	2.86%	101,200	48.0%	4,631	2.5	14.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	33,300	0.00%	4.07%	49,000	47.1%	3,432	1.3	9.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VTP	49,100	-0.91%	-0.81%	71,800	46.2%	2,199	4.3	22.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PHR	31,550	-0.47%	-3.81%	45,900	45.5%	3,834	1.7	8.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn